TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: TOÁN 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM		
						HS1	HS2	4,0		Thi 6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	2213360061	Đinh Tiến	Hoàng	12/12/2002	02DH14C1	5,0	7,0	6,3		3,0	4,3	Thi lại
2	2213360109	Trương Ngọc Kim	Ngân	27/11/2006	02DH14C1	6,0	8,0	7,3		2,0	4,1	Thi lại
3	2213360136	Trần Minh	Triết	30/03/2005	02DH14C1	10,0	8,0	8,7		4,5	6,2	Đạt
4	2213360170	Lê Thái Minh	Nhật	22/05/2004	02DH14C1	0,0	8,0	5,3		0,0	2,1	Thi lại
5	2213360187	Nguyễn Hoàng Phi	Hùng	23/08/2006	02DH14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
6	2213360243	Võ Thị Thanh	Ngân	20/10/2006	02DH14C1	6,0	8,0	7,3		2,0	4,1	Thi lại
7	2213360255	Trương Minh	Tuấn	15/02/2002	02DH14C1	10,0	10,0	10,0		6,5	7,9	Đạt
8	1213360136	Huỳnh Nguyễn Phương	Thùy	18/4/2006	02DH14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
9	2213360288	Nguyễn Ngọc	Nhi	13/7/2006	02DH14C1	6,0	8,0	7,3		3,0	4,7	Thi lại
10	2213360307	Trần Thuận	Trung	24/8/2006	02DH14C1	6,0	10,0	8,7		7,5	8,0	Đạt
11	2213360345	Nguyễn Thị Ngọc	Tiền	22/12/2006	02DH14C1	6,0	7,0	6,7		7,0	6,9	Đạt
12	2213360116	Đoàn Đông	Xuân	28/01/2006	02DN14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM		
						HS1	HS2	4,0		Thi 6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
27	2213360245	Nguyễn Quốc	Khang	13/5/2003	02MK14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
28	2213360253	Phạm Huy	Hùng	31/8/2006	02MK14C1	8,0	5,0	6,0		0,0	2,4	Thi lại
29	2213360286	Mai Huỳnh	Anh	24/5/2006	02MK14C1	8,0	5,0	6,0		0,0	2,4	Thi lại
30	2213360289	Nguyễn Hoàng	Khang	07/10/2003	02MK14C1			0,0	TBKT	0,0	0,0	Học lại
31	2213360304	Đỗ Trâm	Anh	30/5/2006	02MK14C1	5,0	8,0	7,0		5,5	6,1	Đạt
32	2213360316	Lê Vũ Quỳnh	Hương	30/11/2006	02MK14C1		5,0	3,3	TBKT	2,0	2,5	Học lại
33	2213360325	Biện Tiến	Lâm	17/10/2003	02MK14C1			0,0	TBKT	0,0	0,0	Học lại
34	2213360354	Đặng Huỳnh Phương	Thảo	16/8/2002	02MK14C1	10,0	10,0	10,0		6,0	7,6	Đạt
35	2213240199	Trần Phạm Tuấn	Kiệt	13/10/2005	02MK14C1	5,0	7,0	6,3		0,0	2,5	Thi lại
36	2213360377	Thái Bửu	Quốc	13/4/2005	02MK14C1	6,0	8,0	7,3		2,0	4,1	Thi lại
37	2203360114	Trần Thái Gia	Bảo	15/03/2005	02MK14C1	1,0	7,0	5,0		2,0	3,2	Thi lại
38	2213360211	Trần Ngọc Quỳnh	Anh	19/11/2005	02MK14C1	5,0	6,0	5,7		0,0	2,3	Thi lại
39	2193360098	Nguyễn Văn	Thiện	04/10/2004	02TM12C1	10,0	8,0	8,7		8,0	8,3	Đạt
40	2213360056	Thái Quốc	Tường	27/05/2003	02TM14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ	TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM		
						HS1	HS2	4,0		Thi 6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
55	2213360299	Lê Hữu	Đức	27/11/2004	02TW14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
56	2213360379	Trần Trường	Thịnh	07/7/2005	02TW14C1	6,0	8,0	7,3		6,0	6,5	Đạt
57	2193360232	Trần Ngọc Mỹ	Duyên	26/03/2004	02DL12C1	10,0	8,0	8,7		5,5	6,8	Đạt
58	2193360230	Trịnh Minh	Hằng	19/09/2003	02DL12C1	10,0	7,0	8,0		6,0	6,8	Đạt
59	2213360119	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	01/01/2006	02KT14C1	9,0	7,0	7,7		2,0	4,3	Thi lại
60	1833620086	Vũ Anh	Khoa	20/02/2003	02TM11C1	10,0	10,0	10,0		2,0	5,2	Đạt
61	2193360098	Nguyễn Văn	Thiện	04/10/2004	02TM12C1	10,0	8,0	8,7		8,0	8,3	Đạt